BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1000/TB-SKĐAHN

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc triển khai chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học tập và hỗ trợ người học từ ngân sách nhà nước năm học 2026 - 2027

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (Văn bản hợp nhất số 123/2026/VBHN-PL-VPQH ngày 05/8/2026 của Văn phòng Quốc hội);

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 736/QĐ-SKĐAHN ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội ban hành quy chế công tác sinh viên của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 334/2026/NĐ-CP ngày 20/8/2026 của Chính phủ quy định về tự chủ của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ chế tài chính đối với giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; chương trình trọng điểm quốc gia đào tạo tiến sĩ toàn thời gian;

Căn cứ Công văn số 4294/BGDĐT-KHTC ngày 08/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chính sách học phí, chính sách hỗ trợ người học và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm học 2026 - 2027,

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thông báo tới người học trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy về việc triển khai chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học tập và hỗ trợ người học từ ngân sách nhà nước năm học 2026 - 2027 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tổ chức thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ học tập đối với người học theo quy định hiện hành; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội và công bằng trong tiếp cận giáo dục đại học nghệ thuật.

- Xét duyệt đúng đối tượng, đúng mức hưởng, đúng thời hạn; công khai, minh bạch danh sách được hưởng; không để xảy ra trục lợi chính sách hoặc bỏ sót đối tượng.

- Kịp thời triển khai cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với người học các ngành, nghề thuộc lĩnh vực nghệ thuật theo Nghị định số 334/2026/NĐ-CP, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với đào tạo nguồn nhân lực văn hóa, nghệ thuật; thực

hiện chi trả trực tiếp vào tài khoản ngân hàng chính chủ của người học, bảo đảm đúng đối tượng, không trùng lặp chính sách, công khai, minh bạch.

II. ĐỐI TƯỢNG, MỨC HƯỞNG VÀ HỒ SƠ MINH CHỨNG

Hồ sơ chung đối với tất cả các đối tượng miễn, giảm học phí gồm:

(1) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu Phụ lục III Nghị định số 238/2025/NĐ-CP);

(2) Giấy cam kết hưởng chế độ chính sách (theo mẫu của Nhà trường).

(3) Hồ sơ minh chứng riêng của từng đối tượng quy định tại bảng dưới đây, nộp dưới dạng bản sao chứng thực, hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu, hoặc bản sao từ sổ gốc.

(4) Đối với người học đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ theo Điều 9 Nghị định số 334/2026/NĐ-CP (mục 5 bảng dưới đây): Đơn đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ người học kèm thông tin tài khoản ngân hàng chính chủ (Mẫu số 03 của Nhà trường) và Giấy cam kết hưởng chế độ chính sách.

TT	Đối tượng	Căn cứ (NĐ 238/2025, trừ mục 4, mục 5)	Mức hưởng	Minh chứng riêng
1. Đối tượng được miễn 100% học phí (Điều 15 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP)				
1.1	Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (trích dẫn tại Phụ lục kèm theo).	Khoản 2 Điều 15	100%	Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối với người có công. Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân (nếu là thân nhân) trong trường hợp không khai thác được trên CSDL quốc gia về dân cư
1.2	Người học là người khuyết tật.	Khoản 3 Điều 15	100%	Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp.
1.3	Người học từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (mồ côi, không nơi nương tựa thuộc diện bảo trợ xã hội).	Khoản 4 Điều 15	100%	Quyết định về việc trợ cấp xã hội do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp.
1.4	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển.	Khoản 5 Điều 15	100%	Không phải nộp minh chứng riêng; Nhà trường căn cứ quyết định trúng tuyển hệ cử tuyển.
1.5	Người học là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trường hợp ở với	Khoản 7 Điều 15	100%	Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc

TT	Đối tượng	Căn cứ (NĐ 238/2025, trừ mục 4, mục 5)	Mức hưởng	Minh chứng riêng
	ông, bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.			cấp tỉnh cấp (nộp bổ sung vào đầu mỗi học kỳ). Thông tin dân tộc: khai thác trên CSDL quốc gia về dân cư. (bản phô tô) hoặc giấy khai sinh (bản sao công chứng) nếu không khai thác được thông tin trên CSDL.
1.6	Người học là người dân tộc thiểu số rất ít người (16 dân tộc: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bố Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ơ Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	Khoản 10 Điều 15	100%	Thông tin dân tộc và nơi thường trú: khai thác trên CSDL quốc gia về dân cư/ứng dụng VneID (bản phô tô) hoặc giấy khai sinh (bản sao công chứng khi không khai thác được trên CSDL.
2. Đối tượng được giảm 70% học phí (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP)				
2.1	Người học các ngành, chuyên ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù. Tại Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội gồm: - Diễn viên sân khấu kịch hát: chuyên ngành Diễn viên Chèo, Diễn viên Cải lương, Diễn viên Rối; - Nhạc công kịch hát dân tộc (biểu diễn nhạc cụ truyền thống); - Nghệ thuật Múa: chuyên ngành Biên đạo Múa, Biên đạo Múa đại chúng, Huấn luyện Múa. *Trường hợp Nhà trường được giao tuyển sinh, đào tạo các chuyên ngành khác thuộc danh mục tại điểm a, b khoản 1 Điều 16 (Tuồng, nghệ thuật biểu diễn dân ca, ca trù, bài chòi, xiếc...), Nhà trường sẽ thông báo bổ sung.*	Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16	70%	Không phải nộp minh chứng riêng; Nhà trường căn cứ danh sách người học thực học theo ngành, chuyên ngành.
2.2	Người học là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) mà bản thân và cha hoặc mẹ có nơi thường trú tại	Điểm c khoản 1 Điều 16	70%	Thông tin dân tộc, nơi thường trú của bản thân và cha hoặc mẹ: khai thác trên CSDL quốc gia về dân cư/ứng dụng VneID (bản

TT	Đối tượng	Căn cứ (NĐ 238/2025, trừ mục 4, mục 5)	Mức hưởng	Minh chứng riêng
	thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (theo danh mục tại Phụ lục I Nghị định số 238/2025/NĐ-CP).			phô tô). Nếu không khai thác được trên CSDL thì nộp giấy xác nhận thông tin về cư trú do cơ quan cấp xã/phường cấp.
3. Đối tượng được giảm 50% học phí (khoản 2 Điều 16 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP)				
3.1	Người học có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	Khoản 2 Điều 16	50%	Quyết định hưởng trợ cấp hằng tháng của cha hoặc mẹ do cơ quan bảo hiểm xã hội cấp.
4. Hỗ trợ học tập đối với người học dân tộc thiểu số rất ít người (Nghị định số 57/2017/NĐ-CP)				
4.1	Người học thuộc 16 dân tộc thiểu số rất ít người (không phân biệt vùng cư trú).	Điểm đ khoản 1, khoản 2, Điều 4, NĐ 57/2017/NĐ-CP	**100% mức lương cơ sở/ người/t háng**	Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (Mẫu số 02 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP). Bản sao giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp pháp xác định dân tộc (khi không khai thác được trên CSDL quốc gia về dân cư).
5. Hỗ trợ người học một số ngành, nghề, lĩnh vực từ ngân sách nhà nước (Điều 9 Nghị định số 334/2026/NĐ-CP)				
5.1	Người học các ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật có trong danh mục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. *Danh sách ngành, chuyên ngành của Nhà trường thuộc diện áp dụng sẽ được thông báo ngay sau khi danh mục được ban hành.*	Khoản 2 Điều 9 NĐ 334/2026/NĐ-CP	Như người học ngành đào tạo giáo viên	Đơn đề nghị kèm thông tin tài khoản ngân hàng chính chủ (Mẫu số 03 của Nhà trường). Không phải nộp minh chứng riêng; Nhà trường căn cứ danh sách người học thực học theo ngành, chuyên ngành.
5.2	Người học các ngành, nghề đặc thù hoặc ngành, nghề cần thiết cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nhưng khó thu hút người học, thuộc danh mục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Khoản 4 Điều 9 NĐ 334/2026/NĐ-CP	Bằng mức học phí thực tế, không quá mức trần	Đơn đề nghị kèm thông tin tài khoản ngân hàng chính chủ (Mẫu số 03 của Nhà trường).

Lưu ý:

Hỗ trợ học tập theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP được hưởng 12 tháng/năm đối với người học có thời gian học đủ 9 tháng/năm trở lên; trường hợp học không đủ 9 tháng/năm thì hưởng theo thời gian học thực tế; Nhà trường chi trả trực tiếp cho người học theo tháng. Chính sách này độc lập với chính sách miễn học phí tại mục 1.6; người học đủ điều kiện được đồng thời xét hưởng cả hai chính sách. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập 150.000 đồng/tháng theo Điều 17 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, không áp dụng đối với người học trình độ đại học.

Nghị định số 334/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 05/10/2026 (khoản 1 Điều 16); chính sách học phí, miễn, giảm học phí tiếp tục thực hiện theo quy định của Chính phủ về học phí, tức Nghị định số 238/2025/NĐ-CP (điểm b khoản 4 Điều 7). Chính sách hỗ trợ người học tại mục 5 được tính hưởng kể từ ngày 01/7/2026; trường hợp gắn với kỳ nhập học năm học 2026 - 2027 thì được tính hưởng từ thời điểm bắt đầu năm học 2026 - 2027 và được chi trả truy lĩnh (điểm b khoản 2 Điều 15). Đối với nội dung hỗ trợ học phí, người học đồng thời thuộc diện miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP và diện hỗ trợ tiền đóng học phí theo Điều 9 Nghị định số 334/2026/NĐ-CP không được hưởng trùng lặp; Nhà trường rà soát, xử lý các trường hợp trùng lặp chính sách hỗ trợ trước khi lập danh sách chi trả (điểm b khoản 3 Điều 10), bảo đảm người học được hưởng chính sách có lợi nhất.

III. CƠ CHẾ CẤP BÙ VÀ PHẦN HỌC PHÍ NGƯỜI HỌC PHẢI NỘP

Thực hiện theo điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí cho Nhà trường theo mức thu học phí của Nhà trường, nhưng tối đa không quá mức trần học phí quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP tương ứng với từng năm học và khối ngành đào tạo.

2. Đối với người học thuộc diện miễn, giảm học phí (trừ các ngành, chuyên ngành tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16): người học nộp phần chênh lệch giữa mức trần học phí và mức hỗ trợ của Nhà nước; Nhà trường chịu trách nhiệm chi trả phần chênh lệch giữa mức trần học phí và mức học phí thực tế của Nhà trường (nếu có). Theo đó, người học thuộc diện miễn 100% học phí không phải nộp học phí.

3. Đối với người học các ngành, chuyên ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù (điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16): người học nộp phần chênh lệch giữa mức học phí thực tế của Nhà trường và mức hỗ trợ của Nhà nước.

4. Mức học phí thực tế từng ngành, chuyên ngành năm học 2026 - 2027 thực hiện theo Quyết định số 807/QĐ-SKĐAHN ngày 11/8/2026 của Hiệu trưởng Nhà trường. Kinh phí cấp bù tính theo thời gian học thực tế, không quá 10 tháng/năm học; trường hợp người học đã nộp hồ sơ đúng quy định nhưng chưa được thực hiện miễn, giảm theo thời hạn thì được truy lĩnh hoặc giảm trừ vào lần thu học phí tiếp theo (khoản 9, khoản 11 Điều 19).

5. Đối với chính sách hỗ trợ người học theo Điều 9 Nghị định số 334/2026/NĐ-CP: kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm, được Nhà trường lập dự toán, theo dõi và hạch toán riêng; Nhà trường gửi danh sách người học đủ điều kiện kèm số tài khoản ngân hàng đến Kho bạc Nhà nước để chi trả trực tiếp vào tài khoản ngân hàng cá nhân của người học. Việc chi trả học bổng, chi phí sinh hoạt, hỗ trợ học phí thực hiện hằng tháng và theo số tháng thực học; chi phí mở tài khoản và phí dịch vụ chuyển khoản ngân

hàng (nếu có) không khấu trừ vào tiền hỗ trợ của người học (điểm a khoản 1, khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 10).

IV. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

- Chính sách miễn, giảm học phí được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại Nhà trường (khoản 1 Điều 19).

- Người học thuộc nhiều diện hưởng chính sách cùng tính chất chỉ được hưởng một chế độ với mức cao nhất (khoản 4 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP).

- Không áp dụng đối với người học đang hưởng lương hoặc sinh hoạt phí khi đi học (khoản 5 Điều 19).

- Không áp dụng đối với người học đã hưởng chế độ miễn, giảm học phí tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc giáo dục đại học, nay tiếp tục học thêm tại Nhà trường cùng cấp học và trình độ đào tạo; người học đồng thời học nhiều ngành, nhiều cơ sở chỉ được hưởng một chế độ (khoản 6 Điều 19).

- Không áp dụng trong thời gian người học bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, bảo lưu, học lưu ban, học lại, học bổ sung. Trường hợp người học phải dừng học, học lại, bảo lưu, lưu ban (không quá một lần) do ốm đau, tai nạn hoặc lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì được Hiệu trưởng xem xét cho tiếp tục học tập và tiếp tục hưởng chính sách (khoản 8 Điều 19). Người học dân tộc thiểu số rất ít người bị buộc thôi học thì thôi hưởng hỗ trợ học tập ngay sau khi thôi học (điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP).

- Đối với chính sách hỗ trợ theo Điều 9 Nghị định số 334/2026/NĐ-CP: trường hợp người học bị kỷ luật buộc thôi học, tự ý bỏ học, không hoàn thành chương trình đào tạo hoặc chuyển ngành, chuyển chương trình đào tạo dẫn đến không còn thuộc đối tượng được hưởng chính sách thì Nhà trường dừng chi trả các khoản hỗ trợ; người học có trách nhiệm hoàn trả số tiền phải bồi hoàn để nộp trả ngân sách nhà nước theo quy định (điểm b khoản 4 Điều 10).

- Các điều kiện, nghĩa vụ đi kèm (nếu có) đối với người học hưởng chính sách theo khoản 2 Điều 9 Nghị định số 334/2026/NĐ-CP thực hiện theo quy định của Chính phủ đối với người học các ngành đào tạo giáo viên và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nhà trường phổ biến cụ thể tới người học khi có hướng dẫn.

V. THỜI HẠN, QUY TRÌNH THỰC HIỆN

1. Thời hạn nộp hồ sơ

a) Hồ sơ miễn, giảm học phí: trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhập học (khoản 3 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; mục 4 Công văn số 4294/BGDĐT-KHTC)

Nhà trường tiếp nhận hồ sơ: **Từ ngày 05/10/2026 đến 20/10/2026.**

Sau thời gian trên, phòng sẽ rà soát hồ sơ, tiếp nhận, hướng dẫn bổ sung (nếu có), xử lý hồ sơ hoàn thiện theo yêu cầu đến hết ngày 04/11/2026.

Trường hợp nộp hồ sơ sau ngày 04/11/2026 nhà trường sẽ hướng dẫn sinh viên làm thủ tục để xem xét hưởng chính sách bắt đầu từ học kỳ tiếp theo.

b) Hồ sơ hỗ trợ học tập theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP: trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết Thông báo này (điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP).

c) Hồ sơ hỗ trợ người học theo Điều 9 Nghị định số 334/2026/NĐ-CP: người học nộp Đơn đề nghị kèm thông tin tài khoản ngân hàng chính chủ và xác nhận thông tin trên hệ thống trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc tiến trình nhập học thực tế hằng năm (điểm a khoản 3 Điều 10). Đối với năm học 2026 - 2027, Nhà trường thông báo thời hạn tiếp nhận cụ thể sau khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục ngành, nghề áp dụng; người học các ngành, chuyên ngành nghệ thuật chủ động chuẩn bị tài khoản ngân hàng chính chủ. Trường hợp thay đổi thông tin tài khoản ngân hàng, người học thông báo bằng văn bản cho Nhà trường trước kỳ chi trả tiếp theo ít nhất 10 ngày làm việc (điểm e khoản 3 Điều 10).

2. Hình thức và địa điểm nộp hồ sơ

Người học nộp hồ sơ theo một trong các hình thức: trực tiếp tại Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên (phòng A2.105); qua dịch vụ bưu chính; hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia. Mẫu Đơn đề nghị (bao gồm Mẫu số 03 - Đơn đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ người học) và Giấy cam kết được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Nhà trường và phát tại Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên.

3. Khai thác dữ liệu số thay thế giấy tờ

Thực hiện khoản 3 Điều 28 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, người học có thông tin thường trú, dân tộc, quan hệ nhân thân đã được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không phải nộp giấy xác nhận thông tin về cư trú, giấy khai sinh bản giấy. Khi nộp hồ sơ, người học xuất trình thông tin trên ứng dụng VNeID (tài khoản định danh điện tử mức độ 2) để cán bộ tiếp nhận đối chiếu và nộp bản phô tô.

4. Xét duyệt, phê duyệt và công khai

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ, Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên chủ trì thẩm định hồ sơ, tổng hợp danh sách trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách người học được miễn, giảm học phí (khoản 3 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP); đối với hỗ trợ học tập theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, thời hạn xét duyệt là 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn; đối với chính sách hỗ trợ theo Điều 9 Nghị định số 334/2026/NĐ-CP, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thông tin của người học, Nhà trường tổ chức xét duyệt, lập danh sách người học đủ điều kiện kèm số tài khoản ngân hàng, xử lý các trường hợp trùng lặp chính sách hỗ trợ và gửi Kho bạc Nhà nước để chi trả (điểm b khoản 3 Điều 10). Danh sách được phê duyệt được niêm yết công khai tại Nhà trường và trên Trang thông tin điện tử của Nhà trường.

5. Nguyên tắc nộp hồ sơ

Người học chỉ nộp 01 bộ hồ sơ một lần cho cả khóa học; chỉ làm lại hồ sơ khi có thay đổi về đối tượng hoặc phạm vi áp dụng. Riêng người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo vào đầu mỗi học kỳ để làm căn cứ xét miễn, giảm học phí cho học kỳ tiếp theo (khoản 7 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP). Người học đang hưởng chính sách khi trở lại học sau thời gian tạm dừng học tập phải làm đơn đề nghị tiếp tục hưởng chính sách.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên: là đầu mối hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; khai thác, đối chiếu dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; trình Hiệu trưởng phê duyệt và công khai danh sách; cập nhật dữ liệu người học hưởng chính sách trên hệ thống quản lý người học; lưu trữ hồ sơ và tổng hợp, báo cáo theo quy định; tiếp nhận thông tin tài khoản ngân hàng, lập danh sách người học hưởng

chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 334/2026/NĐ-CP, xử lý trùng lặp chính sách; cập nhật, kết nối, cung cấp dữ liệu người học hưởng chính sách trên nền tảng số theo quy định.

2. Phòng Hành chính Tổng hợp (Bộ phận Tài vụ): lập dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí và kinh phí hỗ trợ học tập; thực hiện miễn, giảm vào học phí của người học theo danh sách được phê duyệt; chi trả hỗ trợ học tập theo tháng; thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định; theo dõi, hạch toán riêng nguồn kinh phí hỗ trợ người học theo Nghị định số 334/2026/NĐ-CP; phối hợp với Kho bạc Nhà nước chi trả trực tiếp vào tài khoản ngân hàng cá nhân của người học; thu hồi số tiền phải bồi hoàn, nộp trả ngân sách nhà nước (nếu có); công khai mức học phí trên Trang thông tin điện tử của Nhà trường theo quy định.

3. Phòng Đào tạo và Quản lý Khoa học, Hợp tác Quốc tế: phối hợp cung cấp danh sách người học theo ngành, chuyên ngành và dữ liệu về tình trạng học tập (ngừng học, buộc thôi học, tự ý bỏ học, không hoàn thành chương trình đào tạo, chuyển ngành, chuyển chương trình đào tạo) để làm căn cứ xét, dừng hoặc tiếp tục hưởng chính sách.

4. Các khoa chuyên môn và giảng viên chủ nhiệm lớp: phổ biến Thông báo tới toàn thể người học; hướng dẫn, đôn đốc người học thuộc diện chính sách nộp hồ sơ đúng thời hạn; kịp thời thông báo các trường hợp thay đổi tình trạng học tập của người học.

5. Đoàn Thanh niên Nhà trường: phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ người học, nhất là người học dân tộc thiểu số, người học có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện thủ tục.

6. Người học: kê khai trung thực, nộp hồ sơ đúng thời hạn; cung cấp chính xác thông tin tài khoản ngân hàng chính chủ; chủ động thông báo với Nhà trường khi có thay đổi về đối tượng hoặc tình trạng học tập ảnh hưởng đến việc hưởng chính sách.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, người học phản ánh về Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh, sinh viên (đầu mối: bà Trần Thị Tuyết Hồng, Phó Trưởng phòng) để tổng hợp, báo cáo Ban Giám hiệu xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các khoa, phòng, đơn vị trực thuộc (để t/h);
- Đoàn Thanh niên (để p/h);
- Người học (qua các khoa, Trang TTĐT);
- Lưu: VT, KT&CTHSSV, TTTH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Phạm Đắc Thi

PHỤ LỤC
TRÍCH DẪN MỘT SỐ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN
(Kèm theo Thông báo số 1000/TB-SKĐAHN ngày 01/10/2026 của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

1. Điều 3 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (Văn bản hợp nhất số 123/2026/VBHN-PL-VPQH ngày 05/8/2026)

1. Người có công với cách mạng là người có công lao, cống hiến trong sự nghiệp cách mạng, đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện nghĩa vụ quốc tế, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

2. Người có công với cách mạng được hưởng chế độ ưu đãi theo Pháp lệnh này bao gồm: a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; c) Liệt sĩ; d) Bà mẹ Việt Nam anh hùng; đ) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; e) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; g) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh; h) Bệnh binh; i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; k) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày; l) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế; m) Người có công giúp đỡ cách mạng.

3. Thân nhân của người có công với cách mạng quy định tại khoản 2 Điều này được hưởng chế độ ưu đãi bao gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sĩ.

2. Khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ

1. Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi; b) Mồ côi cả cha và mẹ; c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội; đ) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; e) Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật; g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội; h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; i) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội; k) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và

người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Người thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều này đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.

3. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ

c) Nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí đối với người học thuộc các đối tượng miễn, giảm học phí theo mức thu học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập, nhưng tối đa không quá mức trần học phí quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10 Nghị định này tương ứng với từng năm học và ngành, khối ngành đào tạo.

Phần còn lại người học phải đóng bằng chênh lệch giữa mức trần học phí quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10 và mức hỗ trợ của Nhà nước, trừ trường hợp đối với các ngành nghề quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 người học phải đóng bằng phần chênh lệch giữa mức học phí thực tế của cơ sở giáo dục và mức hỗ trợ của Nhà nước. Cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm chi trả phần chênh lệch giữa mức trần học phí quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10 Nghị định này và mức học phí thực tế của cơ sở giáo dục.

4. Khoản 8 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ

8. Không áp dụng chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian người học bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, bảo lưu, học lưu ban, học lại, học bổ sung. Trường hợp người học phải dừng học; học lại, bảo lưu, lưu ban (không quá một lần) do ốm đau, tai nạn hoặc dừng học vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì thủ trưởng cơ sở giáo dục xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định và tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này.

5. Khoản 1, 2, 4 Điều 9; khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 10; điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 334/2026/NĐ-CP ngày 20/8/2026 của Chính phủ

Điều 9. 1. Cơ chế hỗ trợ người học các ngành đào tạo giáo viên, giảng viên thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

2. Cơ chế hỗ trợ người học chương trình đào tạo các ngành, nghề thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể dục thể thao thuộc danh mục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được áp dụng quy định như đối với người học các ngành đào tạo giáo viên.

4. Cơ chế hỗ trợ người học các ngành, nghề đặc thù hoặc ngành, nghề cần thiết cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nhưng khó thu hút người học được quy định như sau: a) Danh mục ngành, nghề do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; b) Đối tượng là người học tại các cơ sở giáo dục; c) Người học được hỗ trợ tiền đóng học phí bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nhưng không quá mức trần học phí của cơ sở giáo dục công lập theo quy định của Chính phủ tương ứng với cấp học, trình độ và ngành, nghề đào tạo.

Điều 10. 3. Quy trình chi trả trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của người học: a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc tiến trình nhập học thực tế hằng năm, người học thuộc đối tượng được hưởng chính sách quy định tại Điều 9 Nghị định này nộp thông tin tài khoản ngân hàng chính chủ và xác nhận thông tin trên hệ thống; b) Đối với cơ sở giáo dục công lập: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thông tin của người học, cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức xét duyệt, lập danh sách người học đủ điều kiện kèm theo số tài khoản ngân hàng, xử lý các trường hợp trùng lặp chính sách hỗ trợ, gửi Kho bạc Nhà nước để chi trả trực tiếp vào tài khoản ngân hàng cá nhân của người học; ... d) Việc chi trả học bổng và chi phí sinh hoạt; hỗ trợ học phí thực hiện hằng tháng và theo số tháng thực học; đ) Chi phí mở tài khoản và phí dịch vụ chuyển khoản ngân hàng (nếu có) được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên của cơ quan thực hiện chi trả, không khấu trừ vào tiền hỗ trợ và học bổng của người học; e) Trường hợp người học thay đổi thông tin tài khoản ngân hàng, phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở giáo dục trước kỳ chi trả tiếp theo ít nhất 10 ngày làm việc để kịp thời cập nhật hệ thống.

4. ... b) Trường hợp người học bị kỷ luật buộc thôi học, tự ý bỏ học, không hoàn thành chương trình đào tạo hoặc chuyển ngành, chuyển chương trình đào tạo dẫn đến không còn thuộc đối tượng được hưởng chính sách, cơ sở giáo dục có trách nhiệm dừng chi trả các khoản hỗ trợ, xử lý phần kinh phí dư thừa theo quy định. Đồng thời, cơ sở giáo dục phối hợp xác định, thông báo và thu hồi số tiền bồi hoàn nộp trả ngân sách nhà nước theo quy định;

Điều 15. 2. ... b) Các chính sách hỗ trợ người học, học bổng, chi phí sinh hoạt quy định tại Nghị định này được tính hưởng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. Trường hợp chính sách gắn với kỳ nhập học của năm học 2026-2027 thì được tính hưởng từ thời điểm bắt đầu năm học 2026-2027. Các cơ sở giáo dục và cơ quan chi trả có trách nhiệm rà soát, lập danh sách và thực hiện chi trả truy lĩnh cho người học theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.